Chi tiết mã HS 7316.00.00

Mã HS	7316.00.00
Mô tả hàng hóa	Neo tàu (1), neo móc và các bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 03:21:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73160000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11832
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11832
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11832
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11181
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11124
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11124
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11124
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11124
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11124
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11124
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11176
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11176

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11176
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11176
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11176
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11176
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11177
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11177
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11177
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11177
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11177
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11177
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11180
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11130
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11136
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11136
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11136
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11136
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11136
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11136
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11167
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11167
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11167
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11167
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11167
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11167
VCFTA	2022	2022	3	VC!D11214
VCFTA	2023	2023	3	VC!E11214

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11214
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11214
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11214
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11214
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11199
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11199
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11199
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11199
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11199
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11199
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11199
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11199
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11199
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11199
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11199
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11199
EVFTA	2022	2022	0,7	EV-NK!D11216
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11216
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11216
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11216
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11216
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11216
UKVFTA	2022	2022	0,7	UKV!D11215
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11215
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11215
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11215

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11215
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11215
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11162
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11162
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11162
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11162
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11162
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11162
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11162
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11199
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11199
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11199
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11199
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11199
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11199
RCEP B	2022	2022	0	B!D11199
RCEP B	2023	2023	0	B!E11199
RCEP B	2024	2024	0	B!F11199
RCEP B	2025	2025	0	B!G11199
RCEP B	2026	2026	0	B!H11199
RCEP B	2027	2027	0	B!I11199
RCEP C	2022	2022	0	C!D11199
RCEP C	2023	2023	0	C!E11199
RCEP C	2024	2024	0	C!F11199
RCEP C	2025	2025	0	C!G11199
RCEP C	2026	2026	0	C!H11199

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11199
RCEP D	2022	2022	0	D!D11198
RCEP D	2023	2023	0	D!E11198
RCEP D	2024	2024	0	D!F11198
RCEP D	2025	2025	0	D!G11198
RCEP D	2026	2026	0	D!H11198
RCEP D	2027	2027	0	D!I11198
RCEP E	2022	2022	0	E!D11202
RCEP E	2023	2023	0	E!E11202
RCEP E	2024	2024	0	E!F11202
RCEP E	2025	2025	0	E!G11202
RCEP E	2026	2026	0	E!H11202
RCEP E	2027	2027	0	E!I11202
RCEP F	2022	2022	0	F!D11199
RCEP F	2023	2023	0	F!E11199
RCEP F	2024	2024	0	F!F11199
RCEP F	2025	2025	0	F!G11199
RCEP F	2026	2026	0	F!H11199
RCEP F	2027	2027	0	F!I11199
VIFTA	2024	2024	2	VI!F10373
VIFTA	2025	2025	1	VI!G10373
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10373
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10373

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7316.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7316.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11832), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.